

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 37/2017/HNGĐ-ST

Ngày 19 tháng 9 năm 2017

V/v: “Hôn nhân và gia đình
- Xin ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Tám

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Lệ Hoa;

2. Ông Trần Văn Hải,

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân-Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện-Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2017/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 6 năm 2017 về việc: “Hôn nhân và gia đình-xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh T, sinh năm 1968 (có mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Chị O, sinh năm 1970 (vắng mặt),

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa anh T trình bày: Anh và chị O chung sống với nhau vào năm 1988, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2002, tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Trước khi cưới vợ chồng có

tìm hiểu nhau khoảng một năm mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống lúc đầu hạnh phúc đến tháng 3 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất hòa quan điểm, thường xuyên xảy ra lời qua tiếng lại rồi cự cãi nhau, chị O không lo làm ăn mà hay đánh đề, bài bạc, nợ nần, anh phải đứng ra trả nợ nhiều lần và sau này không còn khả năng trả nổi nữa, mặc dù anh có khuyên can nhiều lần nhưng chị O không nghe, tính nết tật đó, từ đó tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, dần dần ngày càng trầm trọng hơn đến tháng 3 năm 2015 vợ chồng đã ly thân cho đến nay. Nay anh T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung tên: 1. K, sinh năm 1989; 2. M, sinh năm 1992; 3. T, sinh năm 1995, nay các con đã trưởng thành, có nghề nghiệp ổn định; riêng K đã có gia đình và các con không có yêu cầu gì về hôn nhân của cha mẹ, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về tài sản của vợ chồng và quyền, nghĩa vụ về tài sản: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị O là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: **Chị O** với tư cách là bị đơn, tại phiên tòa hôm nay chị O vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự “Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn vẫn vắng mặt thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ”. Xét thấy, chị O đã được cấp, tổng đạt, niêm yết, thông báo văn bản tố tụng hợp lệ theo khoản 5 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng chị O vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị O theo quy định của pháp luật;

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị O là hợp pháp. Bởi vì anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang vào năm 2002 theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 được sửa đổi, bổ sung 2010 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 về điều khoản chuyển tiếp, nghĩ nên chấp nhận để xem xét giải quyết;

- Thấy rằng, giữa anh T và chị O là vợ chồng có thời gian dài chung sống với nhau và sinh được ba người con chung. Đây là cơ sở để đảm bảo hạnh phúc gia đình bền vững. Tuy nhiên, trong cuộc sống thường nhật của anh, chị hay xảy ra bất đồng quan điểm mà nguyên nhân là do tính tình về sau này không còn phù hợp. Theo lời trình bày của anh T thì kể từ tháng 3 năm 2015 trở đi chị O thường đi đánh bài bạc, số đề, lâm vào tình cảnh nợ nần, anh phải đứng ra trả nợ, nhiều lần anh khuyên can

nhưng chị O không nghe từ đó mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, anh T không chịu đựng được nữa nên vợ chồng ly thân, không ai tới lui thăm nom, chăm sóc nhau nữa, bỏ mặt cho nhau ai muốn làm gì thì làm, càng ngày tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh T xác định không thể tiếp tục sống chung với chị O được nữa nên yêu cầu được ly hôn,

- Về phần chị O, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thực hiện đầy đủ các bước như cấp, tổng đạt, thông báo và niêm yết văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng chị O cố tình tránh né, không hợp tác để giải quyết vụ việc. Theo chính quyền địa phương nơi chị O cư trú xác nhận đã từ lâu chị O bỏ địa phương đi đâu, làm gì không rõ. Điều này chứng tỏ rằng chị O không còn quan tâm đến gia đình chồng con, nhất là tình cảm vợ chồng. Vì vậy, nếu xử bác yêu cầu của anh T sẽ gây ra thiếu tính công bằng trong hôn nhân, đồng thời cho thấy theo lời trình bày và yêu cầu xin được ly hôn của anh T là chính đáng, nghĩ nên cần thiết cần được chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 89 của luật hôn nhân và gia đình năm 2000 được sửa đổi, bổ sung năm 2010;

[3] *Về con chung*: Anh T và chị O có ba con chung tên: 1. K, sinh năm 1989; 2. M, sinh năm 1992; 3. T, sinh năm 1995, nay các con đã trưởng thành, có nghề nghiệp ổn định; riêng K đã có gia đình và các con không có yêu cầu gì về hôn nhân của cha, mẹ; Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết,

- Về Quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con sau khi ly hôn: Do anh T không yêu, nghĩ nên miễn xét;

[4] *Về tài sản của vợ chồng và quyền, nghĩa vụ về tài sản*: Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nghĩ nên miễn xét;

[5] *Về án phí*: Anh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[6] *Báo cho các đương sự biết để thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật,*

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 11, khoản 1 Điều 89, Điều 92, Điều 94 của luật hôn nhân và gia đình năm 2000 được sửa đổi, bổ sung năm 2010; Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 về điều khoản chuyển tiếp; khoản 5 Điều 177; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự:

1. *Về Quan hệ hôn nhân*: Xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của T đối với chị O;

2. *Về quan hệ con cái*: Miễn xét;

3. *Về tài sản của vợ chồng và quyền, nghĩa vụ về tài sản*: Miễn xét;

4. Về án phí:

- Áp dụng Điều 147; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Xử buộc anh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ đi số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007495, ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 19 tháng 9 năm 2017, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh, huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Phòng Tư pháp huyện H;
- UBND xã, thị trấn;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ Tọa phiên tòa

Lê Văn Tám